

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc
2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Lịch – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số X, tổ Y, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Số X, tổ Y, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn M kết hôn vào tháng 11/1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại số X, tổ Y, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M ham chơi bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình, bản thân bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông M vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi. Vợ chồng bà đã sống ly thân một thời gian. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên là Lê Thị Hoài T, sinh ngày 02/9/1991, Lê Doãn Đ1, sinh ngày 23/12/1992, Lê Doãn Đ2, sinh ngày 09/11/1995 và Lê Doãn Phương U, sinh ngày 06/10/2000. Các con đều đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ông Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Lê Văn M vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ làm cho vụ án kéo dài thời gian giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T, xử cho bà T được ly hôn với ông M.

Về con chung: các con chung đều đã thành niên nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Lê Văn M. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn ông Lê Văn M hiện cư trú tại tổ Y, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn M vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn M.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Trần Thị Thu T và ông Lê Văn M kết hôn vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo trích lục kết hôn số 33/2020/TLKH- BS ngày 21/4/2020. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu T và ông Lê Văn M là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo bà T trình bày là do ông M ham chơi bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Lời trình bày của bà T phù hợp với biên bản xác minh ngày 20/4/2022 của Tòa án thể hiện mâu thuẫn giữa bà T và ông M phát sinh do ông M ham chơi cờ bạc, hiện bà T và ông M không còn sống chung. Ông M dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp, phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để hàn gắn. Như vậy, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị Thu T.

[4] *Về con chung:* Bà T và ông M có 04 con chung tên là Lê Thị Hoài T, sinh ngày 02/9/1991, Lê Doãn Đ1, sinh ngày 23/12/1992, Lê Doãn Đ2, sinh ngày 09/11/1995 và Lê Doãn Phương U, sinh ngày 06/10/2000. Các con đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Bà T trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Bà T trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Lê Văn M.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thu T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007981 ngày 17/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
(trích lục kết hôn số 33 ngày 21/4/2020);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng